

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2023/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 07 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế;
cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên
chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật
Cán bộ, công chức, Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP; Nghị
định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ
sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính; Nghị
định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định
về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của
Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-
CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng
người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của
Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số
115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử
dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm
2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên*

chức; Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước; Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 8 năm 2023.

Quyết định này thay thế Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định về phân cấp quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Tổng Công ty, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh nắm giữ 100% vốn điều lệ, Công ty cổ phần có vốn góp của Ủy ban nhân dân tỉnh; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Xuân Ánh

QUY ĐỊNH

Phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

*(Kèm theo Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức hành chính

a) Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là sở, ngành);

c) Văn phòng, thanh tra, phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở, ngành (gọi chung là phòng cấp sở); chi cục và tổ chức tương đương thuộc sở, ngành (gọi chung là chi cục);

d) Phòng và tương đương thuộc chi cục (gọi chung là phòng cấp chi cục);

đ) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện);

e) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (gọi chung là phòng cấp huyện);

g) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

2. Đơn vị sự nghiệp công lập

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục;

d) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Cá nhân

a) Cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã;

b) Người quản lý doanh nghiệp nhà nước, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 2 Nghị định số 159/2020/NĐ-CP.

Điều 3. Nguyên tắc phân công, phân cấp quản lý

1. Đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Làm rõ trách nhiệm và thẩm quyền quản lý của mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi tổ chức, cá nhân.

3. Bảo đảm công tác quản lý được thực hiện thống nhất, hiệu quả, đồng thời bảo đảm phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành và người đứng đầu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Nội dung phân công, phân cấp quản lý

1. Về quản lý tổ chức bộ máy

a) Quản lý thành lập, tổ chức lại, giải thể;

b) Quản lý chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế và cơ chế hoạt động;

c) Quản lý đánh giá, xếp hạng (phân loại) tổ chức;

d) Quản lý quyền tự chủ đối với tổ chức.

2. Về quản lý vị trí việc làm và biên chế công chức, số lượng người làm việc viên chức

a) Quản lý vị trí việc làm;

b) Quản lý biên chế công chức;

c) Quản lý số lượng người làm việc.

3. Về quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp nhà nước, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước

a) Quản lý tuyển dụng công chức, viên chức, công chức cấp xã;

b) Quản lý ngạch, chức danh nghề nghiệp và chế độ tiền lương;

c) Quản lý tiếp nhận, điều động, biệt phái, đi nước ngoài theo chế độ phu nhân/phu quân ngoại giao, đi làm chuyên gia;

d) Quản lý quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, thôi giữ chức vụ và chính sách khác đối với lãnh đạo, quản lý;

đ) Quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

e) Quản lý chế độ, chính sách (thôi việc, nghỉ hưu; đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; khen thưởng, kỷ luật và các chính sách khác theo quy định);

g) Quản lý hồ sơ công chức, viên chức, báo cáo, thống kê;

h) Quản lý các nội dung thuộc thẩm quyền của cơ quan đại diện chủ sở hữu quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 6 Nghị định số 159/2020/NĐ-CP.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1 **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Điều 5. Quản lý tổ chức bộ máy

1. Tổ chức hành chính

a) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật. Ban hành Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật;

c) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể văn phòng, thanh tra, phòng chuyên môn nghiệp vụ; chi cục và cơ cấu tổ chức của chi cục theo quy định;

d) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của sở, ngành (trừ Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh), tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục;

e) Hướng dẫn cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập

a) Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành, thuộc chi cục, thuộc đơn vị sự nghiệp công lập, thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (trừ các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) theo quy định của pháp luật;

c) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

đ) Quyết định thành lập Hội đồng quản lý và phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh nắm giữ 100% vốn điều lệ; ban hành Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh nắm giữ 100% vốn điều lệ sau khi có Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ;

b) Ban hành điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh nắm giữ 100% vốn điều lệ; phê duyệt chủ trương cho phép thành lập chi nhánh, điều chỉnh ngành nghề đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh nắm giữ 100% vốn điều lệ.

4. Quyết định thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể các tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quản lý vị trí việc làm và biên chế

1. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, các Hội có sử dụng biên chế Nhà nước theo quy định sau khi có quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Quyết định giao biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước của sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các Hội có sử dụng biên chế Nhà nước theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Quyết định điều chỉnh biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giữa các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

4. Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng cán bộ, công chức cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện.

Điều 7. Quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp

1. Ban hành kế hoạch, thông báo tuyển dụng công chức, viên chức đối với các kỳ tuyển dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức.

2. Quản lý ngạch, chức danh nghề nghiệp và xếp lương

a) Xây dựng Đề án và xác định chỉ tiêu nâng ngạch công chức từ ngạch nhân viên hoặc tương đương lên cán sự hoặc tương đương, từ ngạch cán sự hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương; từ ngạch chuyên viên hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương, gửi Bộ Nội vụ có ý kiến trước khi tổ chức thực hiện;

b) Xây dựng Đề án và xác định chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng II gửi Bộ Nội vụ có ý kiến trước khi tổ chức thực hiện. Phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III và hạng IV.

3. Quản lý đào tạo, bồi dưỡng

a) Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên hằng năm và giai đoạn đối với cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã;

b) Quyết định quản lý, biên soạn các chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức, viên chức theo thẩm quyền;

c) Quyết định giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành viên chức cho cơ sở đào tạo, nghiên cứu theo quy định thuộc thẩm quyền quản lý;

d) Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ, chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực công tác.

Mục 2

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 8. Quản lý tổ chức bộ máy

1. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (trừ các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non) theo quy định.

3. Quyết định thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể các tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quản lý vị trí việc làm và biên chế

1. Quyết định phê duyệt vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm đối với tổ chức hành chính; báo cáo Bộ Nội vụ cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, tổ chức thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân theo quy định.

2. Quyết định phê duyệt vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Điều 10. Quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp

1. Quản lý tuyển dụng

a) Quyết định phê duyệt kết quả kỳ tuyển dụng công chức, viên chức do tỉnh tổ chức;

b) Cho ý kiến bằng văn bản đối với trường hợp tiếp nhận vào làm công chức để bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện (trừ các chức danh, chức vụ thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý);

c) Cho ý kiến bằng văn bản đối với trường hợp tiếp nhận vào làm viên chức để bổ nhiệm làm viên chức quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập (trừ các chức danh, chức vụ thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý).

2. Quản lý ngạch, chức danh nghề nghiệp và xếp lương

a) Quyết định thành lập Hội đồng thi nâng ngạch công chức; Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đối với các kỳ thi, xét do tỉnh tổ chức;

b) Quyết định cử dự thi hoặc xét nâng ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương; cử viên chức dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp tương đương chuyên viên chính trở lên gửi các Bộ chuyên ngành tổ chức nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định;

c) Quyết định công nhận kết quả kỳ thi nâng ngạch công chức, kết quả kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do tỉnh chủ trì tổ chức; quyết định việc xét nâng ngạch công chức theo quy định;

d) Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương; Quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp hạng I tương đương chuyên viên cao cấp sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ. Quyết định bổ nhiệm và xếp lương công chức, viên chức và chức danh nghề nghiệp hạng I tương đương chuyên viên chính;

đ) Quyết định thành lập Hội đồng xét chuyển ngạch vào các ngạch thanh tra của tỉnh và phê duyệt kết quả xét chuyển ngạch; ban hành các Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm ngạch thanh tra viên, thanh tra viên chính theo quy định;

e) Quyết định việc thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách khác theo quy định của pháp luật đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; cán bộ, công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương thuộc thẩm quyền quản lý;

g) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kế toán trưởng thuộc quyền quản lý theo quy định.

3. Quyết định điều động, tiếp nhận; đi nước ngoài theo chế độ phu nhân/ phu quân ngoại giao, đi làm chuyên gia

Cho phép công chức, viên chức đi nước ngoài theo chế độ phu nhân/phu quân ngoại giao, đi làm chuyên gia theo quy định.

4. Quản lý bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, cho thôi giữ chức vụ và chính sách khác

a) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho từ chức, cho thôi giữ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và chính sách khác theo quy định của pháp luật đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và kiểm soát viên theo quy định của pháp luật; quyết định cử, cử lại, cho thôi đại diện phần vốn nhà nước, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với người đại diện phần vốn nhà nước;

c) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi

thường xuyên và chi đầu tư và các đơn vị sự nghiệp công lập khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định;

d) Quyết định thành lập Hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường đối với Trường Cao đẳng thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Quản lý đào tạo, bồi dưỡng

a) Báo cáo Thường trực Tỉnh ủy đối với chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, báo cáo Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đối với chức danh cán bộ diện Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý trước khi quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo quy định;

b) Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đi bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên cao cấp và tương đương; bồi dưỡng lãnh đạo cấp sở, cấp huyện; bồi dưỡng kiến thức an ninh, quốc phòng đối tượng 2;

c) Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài.

Mục 3

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA SỞ NỘI VỤ

Điều 11. Quản lý tổ chức bộ máy

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Thủ tướng Chính phủ các nội dung quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 5 Quy định này.

2. Thẩm định nội dung các dự thảo văn bản về tổ chức bộ máy thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 5 và Điều 8 Quy định này.

3. Tham mưu, thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các nội dung về quản lý tổ chức bộ máy theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 5 Quy định này, trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và ý kiến bằng văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

4. Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quản lý vị trí việc làm và biên chế

1. Tham mưu, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các nội dung về quản lý vị trí việc làm và biên chế theo thẩm quyền quy định tại Điều 6 và Điều 9 Quy định này, trên cơ sở đề nghị của sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hướng dẫn, thẩm định việc xây dựng đề án vị trí việc làm (hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm), số lượng người làm việc; cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan, đơn vị; tổng hợp xây dựng đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Hướng dẫn vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo ngành, lĩnh vực tại đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

4. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ về quản lý vị trí việc làm và biên chế theo quy định.

Điều 13. Quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp

1. Tham mưu, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các nội dung về quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp theo thẩm quyền quy định tại Điều 7 và Điều 10 Quy định này, trên cơ sở đề nghị của sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Quản lý tuyển dụng

a) Là cơ quan thường trực của Hội đồng tuyển dụng công chức của tỉnh; Hội đồng kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức;

b) Ban hành Quyết định tuyển dụng công chức vào làm việc tại các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng công chức đối với công chức không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự hoặc có hành vi vi phạm đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

c) Ban hành Quyết định tiếp nhận vào làm công chức sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kiểm tra, sát hạch;

Quyết định tiếp nhận vào làm công chức đối với người đã từng là cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên sau đó được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển giữ các vị trí công tác không phải là cán bộ, công chức tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị theo yêu cầu nhiệm vụ;

d) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến về chỉ tiêu, kế hoạch tuyển dụng viên chức và chỉ tiêu, kế hoạch tiếp nhận vào làm viên chức của sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

Có ý kiến bằng văn bản về kết quả kỳ tuyển dụng viên chức của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

Thông nhất bằng văn bản đối với trường hợp tiếp nhận vào làm viên chức của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi có kết quả kiểm tra, sát hạch theo quy định;

Thông nhất bằng văn bản đối với trường hợp tiếp nhận vào làm viên chức quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện tuyển dụng viên chức, tiếp nhận vào làm viên chức của sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; việc tuyển dụng công chức cấp xã của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

3. Quản lý ngạch, chức danh nghề nghiệp và chế độ tiền lương

a) Là cơ quan thường trực của Hội đồng thi nâng ngạch đối với công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống; Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các chức danh chuyên viên, chuyên viên chính, kế toán viên, kế toán viên chính (trừ viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo và ngành Y tế);

b) Tổng hợp cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, nhu cầu nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ theo quy định;

c) Phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực;

d) Quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương công chức từ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả thi nâng ngạch. Quyết định bổ nhiệm hạng chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức hạng II (trừ chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non hạng II). Cho ý kiến đối với trường hợp bổ nhiệm đặc cách viên chức hạng III trở xuống;

đ) Xếp lương viên chức vào chức danh nghề nghiệp từ hạng III trở xuống để các sở, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân

dân cấp huyện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp theo quy định (gồm tuyển dụng, thăng hạng, chuyển chức danh nghề nghiệp).

4. Quản lý tiếp nhận, điều động, biệt phái công chức, viên chức, công chức cấp xã

a) Quyết định tiếp nhận, điều động công chức từ cơ quan trung ương, cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội và ngoài tỉnh đến làm việc tại sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Quyết định điều động công chức, chuyển công tác viên chức giữa các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố trong tỉnh và ra ngoài tỉnh (trừ các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy);

c) Quyết định tiếp nhận viên chức từ cơ quan trung ương, cơ quan của đảng, tổ chức chính trị - xã hội và ngoài tỉnh về làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, các Hội có sử dụng biên chế tỉnh giao;

d) Thống nhất ý kiến bằng văn bản về việc chuyển công tác, tiếp nhận công chức cấp xã từ xã, phường, thị trấn của cấp huyện này chuyển sang làm việc ở xã, phường, thị trấn của cấp huyện khác trong tỉnh; việc chuyển công tác đối với công chức cấp xã ra ngoài tỉnh và tiếp nhận công chức cấp xã từ tỉnh khác;

đ) Quyết định tiếp nhận công chức, viên chức đi nước ngoài theo chế độ phu quân, phu nhân ngoại giao, đi làm chuyên gia về cơ quan, đơn vị cũ sau khi có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Quản lý bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, cho thôi giữ chức vụ, kỷ luật và chính sách khác

a) Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, kỷ luật và chính sách khác theo quy định của pháp luật đối với chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý;

b) Chủ trì, phối hợp với sở, ngành, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ theo quy định của pháp luật đối với chức danh cán bộ diện Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan liên quan tham mưu Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử, cho thôi người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định;

d) Thẩm định, trình Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đối với chức danh lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước diện Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

6. Về quản lý đào tạo, bồi dưỡng

a) Tham mưu, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 7 và khoản 5 Điều 10 Quy định này;

b) Tham mưu, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định;

c) Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên cao cấp (trừ các đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh);

d) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ về kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm và giai đoạn.

7. Quản lý chế độ, chính sách khác

Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra thực hiện các quy định về tuyển dụng, quản lý, sử dụng; về kỷ cương hành chính, đạo đức văn hóa công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

Mục 4

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA SỞ, NGÀNH

Điều 14. Quản lý tổ chức bộ máy

1. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) đối với các nội dung quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Quy định này.

2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung về tổ chức bộ máy (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này), sau khi có văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.

3. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng chuyên môn, thanh tra và văn phòng thuộc sở, ngành.

4. Xây dựng Đề án tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Đối với phương án tự chủ tài chính cần có ý kiến của Sở Tài chính trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 15. Quản lý vị trí việc làm và biên chế

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 6, Điều 9 và Điều 12 Quy định này.

2. Xây dựng đề án vị trí việc làm, đề án điều chỉnh vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị và các tổ chức trực thuộc gửi Sở Nội vụ thẩm định theo quy định.

3. Xây dựng Kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc viên chức của cơ quan đơn vị và các tổ chức trực thuộc gửi Sở Nội vụ thẩm định theo quy định.

4. Thực hiện quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc viên chức trong các tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về quản lý, sử dụng biên chế công chức trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

6. Kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Quản lý công chức, viên chức

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 7, Điều 10, Điều 13 Quy định này.

2. Quản lý tuyển dụng

a) Xác định số lượng, cơ cấu công chức cần tuyển dụng gửi Sở Nội vụ thẩm định; phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện Kế hoạch tuyển dụng công chức đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; Quyết định cử công chức hướng dẫn công chức tập sự thuộc sở, ngành theo quy định; Quyết định bổ nhiệm vào ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức đối với người tập sự đạt yêu cầu sau khi hết thời gian tập sự;

Xây dựng Kế hoạch và tổ chức tuyển dụng viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định (gửi Sở Nội vụ có kiến bằng văn bản trước khi tổ chức).

b) Giám sát, hướng dẫn thực hiện Kế hoạch tuyển dụng viên chức, tiếp nhận vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Quản lý ngạch, chức danh nghề nghiệp và chế độ tiền lương

a) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp từ hạng III trở xuống trên cơ sở văn bản xếp lương theo chức danh nghề nghiệp của Sở Nội vụ;

b) Tổng hợp cơ cấu ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, nhu cầu nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ);

c) Xây dựng phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp theo quy định của các Bộ, ngành chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý gửi Sở Nội vụ thẩm định, phê duyệt;

d) Quyết định thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách khác theo quy định của pháp luật đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I trở xuống, công chức giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống (trừ cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý);

đ) Cử cán bộ, công chức, viên chức dự thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức đối với các kỳ thi do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức;

e) Tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III theo quy định.

4. Quản lý tiếp nhận, điều động, biệt phái

a) Đề nghị Sở Nội vụ ban hành Quyết định điều động công chức theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 Quy định này;

Quyết định điều động công chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định đến làm viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý;

b) Quyết định điều động công chức giữa các phòng, chi cục thuộc thẩm quyền quản lý; quyết định chuyển công tác, thay đổi vị trí việc làm viên chức giữa các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Hướng dẫn người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức chuyển công tác, viên chức thôi việc;

d) Quyết định biệt phái công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định;

đ) Cho ý kiến bằng văn bản về việc công chức, viên chức liên hệ chuyển công tác đến cơ quan Trung ương, các cơ quan đảng, các cơ quan trong tỉnh và ngoài tỉnh.

5. Quản lý quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức và chính sách khác

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, tiền lương và chính sách khác đối với các

chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và thực hiện quy trình công tác cán bộ theo quy định;

b) Căn cứ quy định của Trung ương và của tỉnh, triển khai xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ và thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm đối với công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định;

c) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu, miễn nhiệm, cho từ chức, thôi giữ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và chính sách khác theo quy định đối với trưởng phòng, phó trưởng phòng thuộc sở; chi cục trưởng, phó chi cục trưởng và công chức lãnh đạo cấp phòng thuộc chi cục; người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập (trừ các chức danh thuộc diện Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý);

d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm Chánh Thanh tra Sở sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra tỉnh.

6. Quản lý đào tạo, bồi dưỡng

a) Xây dựng đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hằng năm, giai đoạn của cơ quan, đơn vị; đề xuất lựa chọn, biên soạn chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm của công chức, viên chức gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức thực hiện đề án, kế hoạch đạt kết quả;

b) Quyết định cử công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước (trừ các đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ). Hằng năm, báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để theo dõi, tổng hợp.

7. Quản lý chế độ, chính sách khác

a) Đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền;

b) Lập và quản lý hồ sơ công chức công tác tại sở, ngành và hồ sơ cấp trưởng, cấp phó chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành;

c) Hằng năm, báo cáo số lượng, chất lượng đội ngũ công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ);

d) Quyết định khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, thôi việc và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

đ) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc thực hiện chế độ, chính sách đúng quy định của pháp luật.

Mục 5
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 17. Quản lý tổ chức bộ máy

1. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Nội vụ quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 5, Điều 8 Quy định này.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên xây dựng Đề án tự chủ trình Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi có ý kiến của Sở Nội vụ và Sở Tài chính; quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc theo Đề án tự chủ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của đơn vị báo cáo Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

4. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các phòng và tương đương thuộc đơn vị.

Điều 18. Quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc viên chức

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 6, Điều 9 và Điều 12 Quy định này.

2. Quản lý vị trí việc làm

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng Đề án vị trí việc làm, tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập để trình Hội đồng quản lý thông qua; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sau khi được Hội đồng quản lý thông qua;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên xây dựng Đề án vị trí việc làm theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có văn bản gửi Sở Nội vụ cho ý kiến thống nhất trước khi quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải trình

Hội đồng quản lý thông qua trước khi quyết định phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên xây dựng Đề án vị trí việc làm, báo cáo Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định.

3. Quản lý số lượng người làm việc

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên lập kế hoạch số lượng người làm việc hằng năm theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực; tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải trình Hội đồng quản lý thông qua trước khi quyết định phê duyệt số lượng người làm việc của đơn vị. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên có văn bản gửi Sở Nội vụ cho ý kiến thống nhất trước khi quyết định theo thẩm quyền;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên lập kế hoạch số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước hằng năm của đơn vị mình, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thì kế hoạch số lượng người làm việc gồm: số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp;

c) Thực hiện quản lý, sử dụng số lượng người làm việc của đơn vị theo quy định; thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ về tình hình quản lý, sử dụng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 19. Quản lý viên chức

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 7, Điều 10, Điều 13 Quy định này. Quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo Đề án tự chủ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Xây dựng Kế hoạch và tổ chức tuyển dụng viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định (gửi Sở Nội vụ có kiến bằng văn bản về chỉ tiêu và cơ cấu trước khi tổ chức); bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức tập sự đạt yêu cầu.

3. Quản lý chức danh nghề nghiệp và chế độ tiền lương

a) Tổng hợp cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, nhu cầu thăng hạng chức danh nghề nghiệp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ);

b) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp từ hạng III trở xuống trên cơ sở văn bản xếp lương theo chức danh nghề nghiệp của Sở Nội vụ;

c) Quyết định thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách khác theo quy định của pháp luật đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I trở xuống (trừ cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý);

d) Cử viên chức dự thi thăng hạng đối với các kỳ thi do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức.

4. Quản lý bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm và chính sách khác

a) Đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, tiền lương và chính sách khác đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và thực hiện quy trình công tác cán bộ theo quy định;

b) Hằng năm, căn cứ quy định của Trung ương và của tỉnh, triển khai, phê duyệt quy hoạch đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định;

c) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, tiền lương, đào tạo, bồi dưỡng và chính sách khác theo quy định đối với viên chức thuộc quyền quản lý theo quy định.

5. Quản lý tiếp nhận, biệt phái, thay đổi vị trí việc làm

a) Quyết định thay đổi vị trí việc làm viên chức giữa các phòng, ban, đơn vị thuộc quyền quản lý; biệt phái, cho chuyển công tác viên chức thuộc quyền quản lý; định kỳ chuyển đổi vị trí công tác viên chức giữa các phòng và tương đương thuộc quyền quản lý theo quy định;

b) Đề nghị Sở Nội vụ tiếp nhận viên chức từ cơ quan Trung ương, cơ quan của Đảng, cơ quan, đơn vị khác và ngoài tỉnh đến làm việc tại đơn vị; ký hợp đồng làm việc với viên chức sau khi có ý kiến của Sở Nội vụ.

6. Quản lý đào tạo, bồi dưỡng

a) Xây dựng đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức hằng năm, giai đoạn của cơ quan, đơn vị gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Quyết định cử viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước theo kế hoạch (trừ các đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định của

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ). Hằng năm, báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

7. Quản lý chế độ, chính sách khác

a) Đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức thuộc quyền quản lý theo quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền;

b) Lập và quản lý hồ sơ viên chức công tác tại đơn vị theo quy định;

c) Hằng năm, báo cáo số lượng, chất lượng đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

Mục 6

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

Điều 20. Quản lý tổ chức bộ máy

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 5, Điều 8 Quy định này.

2. Xây dựng Đề án, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

3. Xây dựng Đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện phù hợp với hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Xây dựng Đề án tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

6. Quyết định số lượng cụ thể cán bộ, công chức ở từng đơn vị hành chính cấp xã và bố trí số lượng công chức của từng chức danh công chức cấp xã thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng đơn vị hành chính cấp xã.

Điều 21. Quản lý vị trí việc làm và biên chế

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 6, Điều 9 và Điều 12 Quy định này.

2. Xây dựng đề án vị trí việc làm, đề án điều chỉnh vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị và các tổ chức trực thuộc gửi Sở Nội vụ thẩm định theo quy định.

3. Xây dựng Kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc của cơ quan, đơn vị và các tổ chức trực thuộc gửi Sở Nội vụ thẩm định theo quy định.

4. Quản lý, hướng dẫn việc sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

Điều 22. Quản lý cán bộ, công chức, viên chức

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 7, Điều 10, Điều 13 Quy định này.

2. Quản lý tuyển dụng

a) Xác định số lượng, nhu cầu, cơ cấu công chức cần tuyển dụng gửi Sở Nội vụ thẩm định; phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện Kế hoạch tuyển dụng công chức đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

b) Xây dựng và ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức, tiếp nhận vào làm viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc quyền quản lý, gửi Sở Nội vụ có ý kiến bằng văn bản trước khi tổ chức thực hiện;

c) Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức, tiếp nhận vào làm viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc quyền quản lý, đồng thời gửi Sở Nội vụ có ý kiến bằng văn bản trước khi tổ chức thực hiện;

d) Xây dựng và ban hành kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã; tổ chức tuyển dụng đối với công chức cấp xã theo quy định sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ.

3. Quản lý quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức và chính sách khác

a) Đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, tiền lương và chính sách khác đối với chức danh cán

bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và thực hiện quy trình công tác cán bộ theo quy định;

b) Chỉ đạo và thực hiện quy hoạch, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hằng năm đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc quyền quản lý theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

4. Quản lý chế độ, chính sách khác

a) Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã hằng năm, giai đoạn của cơ quan, đơn vị gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Xây dựng phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức của các đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý gửi Sở Nội vụ thẩm định, phê duyệt;

c) Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc, cán bộ, công chức cấp xã trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định;

d) Căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã thuộc quyền quản lý theo quy định.

Mục 7

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

Điều 23. Quản lý tổ chức bộ máy

1. Quyết định thành lập, tổ chức lại, đổi tên, giải thể, xếp hạng các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể các tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Quản lý vị trí việc làm và biên chế

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 6, Điều 9 và Điều 12 Quy định này.

Điều 25. Quản lý cán bộ, công chức, viên chức

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 7, Điều 10, Điều 13 Quy định này.

2. Quản lý tuyển dụng

a) Tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định;

b) Kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch tuyển dụng viên chức vào làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Quyết định cử công chức hướng dẫn công chức tập sự theo quy định; Quyết định bổ nhiệm vào ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức đối với người tập sự đạt yêu cầu sau khi hết thời gian tập sự.

3. Quản lý ngạch, chức danh nghề nghiệp và chế độ tiền lương

a) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp từ hạng III trở xuống và hạng II trở xuống đối với chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non trên cơ sở văn bản xếp lương theo chức danh nghề nghiệp của Sở Nội vụ;

b) Tổng hợp cơ cấu ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, nhu cầu nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ);

c) Xây dựng phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý, gửi Sở Nội vụ thẩm định, phê duyệt;

d) Quyết định thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách khác theo quy định của pháp luật đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống, công chức giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống (trừ cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý);

đ) Quyết định điều động, tiếp nhận cán bộ, công chức cấp huyện đảm nhiệm chức danh công chức cấp xã sau khi có ý kiến bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ. Quyết định công nhận hết thời gian tập sự và xếp lương đối với người tập sự đạt yêu cầu của chức danh công chức cấp xã; quyết định xếp lương đối với cán bộ, công chức cấp xã; nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và các chính sách khác theo quy định của pháp luật đối với cán bộ, công chức cấp xã.

e) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kế toán trưởng thuộc quyền quản lý theo quy định.

4. Quản lý tiếp nhận, điều động, biệt phái

a) Đề nghị Sở Nội vụ quyết định tiếp nhận, điều động công chức; tiếp nhận, chuyển công tác viên chức từ cơ quan Trung ương, cơ quan của đảng, các cơ quan, đơn vị khác và ngoài tỉnh về cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Quyết định điều động công chức giữa các phòng thuộc thẩm quyền quản lý; thay đổi vị trí việc làm, chuyển công tác viên chức giữa các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý; cho ý kiến bằng văn bản đối với công chức, viên chức liên hệ chuyển công tác;

Quyết định điều động công chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định đến làm viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý.

c) Hướng dẫn người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức chuyển công tác, viên chức thôi việc. Quyết định biệt phái cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định;

d) Quyết định việc điều động công chức cấp xã từ xã, phường, thị trấn này chuyển sang làm việc ở xã, phường, thị trấn khác trong cùng một đơn vị hành chính cấp huyện;

đ) Quyết định việc chuyển công tác, tiếp nhận công chức cấp xã từ xã, phường, thị trấn của cấp huyện này sang làm việc ở xã, phường, thị trấn của cấp huyện khác sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ; quyết định việc chuyển công tác công chức cấp xã ra ngoài tỉnh và tiếp nhận công chức cấp xã ra từ tỉnh khác sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ.

5. Quản lý bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, kỷ luật và chính sách khác

a) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, thôi giữ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và chính sách khác theo quy định đối với trưởng phòng, phó trưởng phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;

b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm Chánh Thanh tra thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra tỉnh.

6. Quản lý đào tạo, bồi dưỡng

a) Xây dựng đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hằng năm, giai đoạn của cơ quan, đơn vị gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Quyết định cử công chức, viên chức thuộc thẩm quyền đi đào tạo ở trong nước (trừ các đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ). Hằng năm, báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ);

c) Quyết định cử cán bộ, công chức cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm, chức vụ, chức danh đảm nhiệm theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Quản lý chế độ, chính sách khác

a) Lập và quản lý hồ sơ của công chức; cán bộ, công chức cấp xã; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo quy định của pháp luật;

b) Đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý theo quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền;

c) Quyết định nghỉ hưu, thôi việc và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc thực hiện quản lý chế độ, chính sách theo quy định.

Mục 8

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CHI CỤC THUỘC SỞ, NGÀNH

Điều 26. Quản lý tổ chức bộ máy

1. Xây dựng đề án về thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc trình Thủ trưởng sở, ngành xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định (thông qua Sở Nội vụ thẩm định).

2. Quy định cụ thể chức năng nhiệm vụ của phòng và tương đương thuộc chi cục.

Điều 27. Quản lý vị trí việc làm và biên chế

1. Xây dựng (sửa đổi, bổ sung) đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của cơ quan, đơn vị trực thuộc, trình Thủ trưởng sở, ngành xem xét, gửi Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thực hiện quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc viên chức trong cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc viên chức trong cơ quan, đơn vị

thuộc thẩm quyền quản lý gửi sở, ngành tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) theo quy định.

4. Theo dõi, kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc của đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 28. Quản lý công chức, viên chức

1. Đề nghị sở, ngành quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, đánh giá, kỷ luật, nghỉ hưu, tiền lương và chính sách khác đối với công chức của chi cục.

2. Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức thuộc diện quản lý theo quy định.

3. Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức chuyển công tác, viên chức xin thôi việc.

4. Xác định số lượng, nhu cầu tuyển dụng công chức, viên chức, trình cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xem xét, thực hiện theo quy định; quyết định cử công chức, viên chức hướng dẫn tập sự theo quy định.

5. Quyết định xếp loại chất lượng viên chức hằng năm theo quy định.

6. Lập và quản lý hồ sơ công chức từ cấp Trưởng phòng thuộc chi cục trở xuống đang công tác tại chi cục, hồ sơ cấp trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc chi cục theo quy định.

7. Thực hiện công tác tổ chức bộ máy, vị trí việc làm và biên chế công chức, công tác cán bộ và quản lý, sử dụng công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng công chức, viên chức.

Mục 9

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC SỞ, NGÀNH, THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, THUỘC CHI CỤC

Điều 29. Quản lý tổ chức bộ máy

1. Tham mưu, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 5, Điều 8 Quy định này.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc theo Đề án tự chủ được Ủy ban

nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của đơn vị, trình cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xem xét, báo cáo Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các khoa, phòng và tương đương thuộc đơn vị.

Điều 30. Quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc viên chức

1. Tham mưu, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 6, Điều 9 và Điều 12 Quy định này.

2. Quản lý vị trí việc làm

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng Đề án vị trí việc làm, tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập để trình Hội đồng quản lý thông qua; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sau khi được Hội đồng quản lý thông qua;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên xây dựng Đề án vị trí việc làm theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xem xét, có văn bản gửi Sở Nội vụ có ý kiến trước khi quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải trình Hội đồng quản lý thông qua trước khi quyết định phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên xây dựng Đề án vị trí việc làm, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp để báo cáo Sở Nội vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Quản lý số lượng người làm việc

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên lập kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực; tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý thì

người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải trình Hội đồng quản lý thông qua trước khi quyết định phê duyệt số lượng người làm việc của đơn vị. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý cấp trên xem xét, có văn bản gửi Sở Nội vụ cho ý kiến trước khi quyết định theo thẩm quyền;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: lập kế hoạch số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước hàng năm của đơn vị mình, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp để báo cáo Sở Nội vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh (Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thì kế hoạch số lượng người làm việc gồm: số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp);

c) Thực hiện quản lý, sử dụng số lượng người làm việc của đơn vị theo quy định; thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ về tình hình quản lý, sử dụng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) theo quy định.

Điều 31. Quản lý viên chức

1. Tham mưu, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 7, Điều 10, Điều 13 Quy định này. Quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo Đề án tự chủ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Quản lý tuyển dụng

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên xây dựng chỉ tiêu và kế hoạch tuyển dụng viên chức báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để tổng hợp và đề nghị Sở Nội vụ có ý kiến về chỉ tiêu, kế hoạch trước khi tổ chức thực hiện; trình cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức tập sự đạt yêu cầu;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên xây dựng chỉ tiêu, kế hoạch tuyển dụng viên chức và tổ chức thực hiện theo quy định, đồng thời báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và Sở Nội vụ để kiểm tra, giám sát; bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức tập sự đạt yêu cầu.

3. Quản lý chức danh nghề nghiệp

a) Tổng hợp nhu cầu thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, báo cáo sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức đối với viên chức trúng tuyển; quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức tương đương chuyên viên sau khi có thông báo viên chức trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Quyết định xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức tương đương chuyên viên trở xuống.

4. Quản lý quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thôi giữ chức vụ và chế độ tiền lương

a) Đề nghị cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, thực hiện chế độ tiền lương đối với viên chức lãnh đạo, quản lý của đơn vị;

b) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, biệt phái, định kỳ chuyển đổi vị trí công tác, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, thực hiện chế độ tiền lương đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Quản lý chế độ, chính sách khác

a) Quyết định cho thôi việc, chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức chuyển công tác, viên chức xin thôi việc, người tập sự không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp viên chức được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến đơn vị sự nghiệp công lập khác thì không thực hiện việc tuyển dụng mới và không giải quyết chế độ thôi việc, nhưng phải ký kết hợp đồng làm việc mới với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời thực hiện chế độ tiền lương đối với viên chức phù hợp trên cơ sở căn cứ vào loại hình hợp đồng làm việc của viên chức đang được ký kết tại đơn vị sự nghiệp công lập trước khi chuyển công tác, năng lực, trình độ đào tạo, quá trình công tác, diễn biến tiền lương và thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của viên chức;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên cử viên chức đi đào tạo trong nước bằng nguồn kinh phí tự chủ của đơn vị hoặc do cá nhân tự túc;

d) Đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức hằng năm theo quy định;

đ) Quyết định việc thuê, khoán để làm những công việc không cần thiết bố trí biên chế thường xuyên; ký hợp đồng công tác viên, thuê hoặc mời chuyên gia hỗ trợ cho công việc chuyên môn của đơn vị theo quy định pháp luật;

e) Lập và quản lý hồ sơ viên chức từ cấp Trưởng phòng, khoa thuộc đơn vị trở xuống công tác tại đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý;

g) Thực hiện chế độ báo cáo về đội ngũ viên chức thuộc quyền quản lý theo quy định.

Mục 10

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Điều 32. Quản lý cán bộ, công chức

1. Trực tiếp quản lý và sử dụng công chức cấp xã; nhận xét, đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với công chức cấp xã;

2. Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xếp lương, chuyển xếp lương, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

3. Bố trí, sử dụng và thực hiện các quy định liên quan đối với cán bộ, công chức, viên chức được điều động, luân chuyển, biệt phái về Ủy ban nhân dân cấp xã công tác.

4. Đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ở cấp huyện khen thưởng, xử lý kỷ luật cán bộ, công chức cấp xã theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức ở địa phương;

5. Thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với công chức cấp xã theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện chế độ, chính sách, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; quy hoạch, tạo nguồn đối với công chức cấp xã.

8. Lập và quản lý hồ sơ cán bộ, công chức cấp xã.

9. Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định chức danh được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm trong trường hợp số lượng chức danh bố trí kiêm nhiệm lớn hơn số lượng cán bộ, công chức cấp xã giảm được.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Giám đốc Sở Nội vụ

1. Có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện và thường xuyên theo dõi, kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh việc thực hiện Quy định này.

2. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xác định các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của các văn bản pháp luật chuyên ngành.

3. Thanh tra, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện, chấp hành các quy định này theo quy định của pháp luật; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 34. Thủ trưởng các sở, ngành; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này, hướng dẫn và quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức trong nội bộ, thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 35. Hợp đồng lao động

Việc ký kết hợp đồng lao động và quản lý lao động hợp đồng tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 36. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ để tổng hợp) xem xét, quyết định./.